



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
**CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

2021

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Địa chỉ: 207 đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Website: <http://nxb.neu.edu.vn> - Email: nxb@neu.edu.vn

Điện thoại/ Fax: (024) 36280280/ Máy lẻ: 5722

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:	TS. Nguyễn Anh Tú <i>Giám đốc Nhà xuất bản</i>
Chịu trách nhiệm nội dung:	GS.TS. Nguyễn Thành Độ <i>Tổng biên tập</i>
Biên tập:	Trịnh Thị Quyên
Chế bản và thiết kế bìa:	Vương Nguyễn
Đọc sách mẫu:	Trịnh Thị Quyên

Xác nhận ĐKXB số: 4460-2021/CXBIPH/1-417/ĐHKQTĐ

ISBN: 978-604-330-139-7

Quyết định xuất bản Ebook số: 419/QĐ-NXBĐHKQTĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021

Địa chỉ phát hành sách điện tử: <https://www.nxbaydung.com.vn>

Định dạng: PDF; Dung lượng: 10,4 MB

Nộp lưu chiểu Quý IV năm 2021

BAN CHỈ ĐẠO

TT	Họ và tên	Đơn vị/Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Phạm Hồng Chương	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	PGS.TS. Bùi Đức Thọ	Chủ tịch Hội đồng Trường	Ủy viên
3	GS.TS. Trần Thị Vân Hoa	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
4	GS.TS. Hoàng Văn Cường	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
5	PGS.TS. Bùi Huy Nhượng	Phó Hiệu trưởng	Ủy viên
6	PGS.TS. Bùi Đức Triệu	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
7	TS. Trịnh Mai Vân	Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học	Ủy viên

BAN TỔ CHỨC VÀ THƯ KÝ

TT	Họ và tên	Đơn vị/Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Bùi Đức Triệu	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng ban
2	ThS. Mạc Văn Tạo	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
3	TS. Lê Anh Đức	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
4	TS. Trịnh Mai Vân	Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học	Ủy viên
5	PGS.TS. Phạm Thị Bích Chi	Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên
6	ThS. Bùi Đức Dũng	Trưởng phòng Tổng hợp	Ủy viên
7	TS. Vũ Trọng Nghĩa	Trưởng phòng Truyền thông	Ủy viên
8	TS. Nguyễn Đình Trung	Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Ủy viên
9	ThS. Đỗ Thu Hà	Phó Trưởng phòng Tài chính - Kế toán	Ủy viên
10	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
11	ThS. Phạm Trương Ngọc Sơn	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
12	Lê Ngân Giang	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
13	ThS. Hoàng Thanh Hà	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
14	ThS. Trần Thanh Hà	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
15	ThS. Trịnh Hồng Nhung	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
16	ThS. Lê Hồng Hạnh	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
17	Bùi Huy Hoàn	Phòng Quản lý khoa học	Ủy viên

BAN BIÊN TẬP KỸ YẾU

TT	Họ và tên	Đơn vị/Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Bùi Đức Triệu	Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Trưởng ban
2	ThS. Mạc Văn Tạo	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Phó Trưởng ban
3	TS. Lê Anh Đức	Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
4	TS. Phùng Chí Cường	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
5	ThS. Lê Hà	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
6	ThS. Phạm Huy Giang	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
7	ThS. Phạm Đức Minh	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
8	ThS. Nguyễn Nghĩa Hoàng	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
9	ThS. Lương Việt Anh	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên
10	ThS. Nguyễn Thanh Bình	Phòng Quản lý đào tạo	Ủy viên

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CAND	Công an nhân dân
CDIO	Hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành
CDSP	Cao đẳng Sư phạm
CNTT	Công nghệ thông tin
CMCN	Cách mạng công nghiệp
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
DN	Doanh nghiệp
ĐHCQ	Đại học chính quy
EVFTA	Hiệp định Thương mại tự do Liên minh châu Âu - Việt Nam
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GDQP&AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh
ICT	Công nghệ thông tin và truyền thông
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
LLCT	Lý luận chính trị
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NHTM	Ngân hàng thương mại
NNL	Nguồn nhân lực
QLĐT	Quản lý đào tạo
THPT	Trung học phổ thông
THPTQG	Trung học phổ thông quốc gia

MỤC LỤC

ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA	5
<i>GS.TS. Trần Thị Vân Hoa</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
PHẦN 1. CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ YÊU CẦU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM	17
1 CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN SỐ	18
<i>TS. Đinh Thiện Đức, TS. Phạm Ngọc Hưng</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
2 CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	25
<i>ThS. Nguyễn Ngọc Thái</i> <i>Học viện Khoa học Quân sự, Bộ Quốc phòng</i> <i>ThS. Phạm Văn Hiếu</i> <i>Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng</i>	
3 TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐẾN VIỆC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM	31
<i>ThS. Nguyễn Thị Kim Hằng</i> <i>Trường Đại học Khánh Hòa</i>	
4 CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN THÍCH ỨNG VỚI CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP LẦN THỨ TƯ	39
<i>TS. Trần Quang Diệu</i> <i>Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh</i> <i>TS. Đào Trường Thành</i> <i>Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i>	
5 TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	51
<i>Đại úy, ThS. Vũ Đức Sáng - Thiếu tá, ThS. Hoàng Mạnh Cường</i> <i>Trường Đại học Nguyễn Huệ</i>	
6 CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP 4.0 VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM	57
<i>TS. Vũ Thị Uyên, ThS. Nguyễn Phương Mai</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
7 CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	70
<i>Trần Thị Thu Hương</i> <i>Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
8 TẦM QUAN TRỌNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM	76
<i>ThS. Ngô Hải Thanh</i> <i>Trường Đại học Thương mại</i>	

9	ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	84
	ThS. Hà Thị Liên <i>Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
10	ẢNH HƯỞNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	96
	TS. Đào Trường Thành <i>Trường Đại học Thủ đô Hà Nội</i>	
11	CẦN TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MẠNH MẼ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC ĐẠI HỌC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ	100
	TS. Hoàng Nguyên Khai <i>Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
PHẦN 2. THỰC TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ		105
12	NỀN TẢNG HỖ TRỢ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN VÀ HỌC TẬP HỖN HỢP ỨNG PHÓ VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19	106
	PGS.TS. Bùi Huy Nhung, ThS. Nguyễn Thanh Quyên, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà, ThS. Đoàn Thị Hoài Phương, Lại Sơn Tùng <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
13	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	113
	PGS.TS. Bùi Đức Triệu <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
14	PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG HỆ THỐNG PHẦN MỀM QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	121
	TS. Lê Anh Đức <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
15	NEU-CHATBOT: CHATBOT HỖ TRỢ TƯ VẤN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	128
	ThS. Tuấn Nguyễn, TS. Lê Anh Đức, ThS. Hoàng Thanh Hà <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i> Nguyễn Sơn Tùng <i>Sinh viên Khoa Toán kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i> Nguyễn Thành Trung <i>Sinh viên Viện Công nghệ thông tin, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội</i>	
16	TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TOÀN CẦU	140
	ThS. Hoàng Thanh Hà <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	

17	PHÂN MỀM TUYỂN SINH TRỰC TUYẾN THEO HÌNH THỨC XÉT TUYỂN KẾT HỢP ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	152
	<i>ThS. Phạm Huy Giang, TS. Phùng Chí Cường, TS. Lê Anh Đức</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
18	NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HỖ TRỢ GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN BÀI GIẢNG VÀ KIỂM SOÁT LỚP HỌC: TRIỂN KHAI THỬ NGHIỆM GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN	161
	<i>TS. Phạm Văn Minh, TS. Phạm Xuân Lâm, ThS. Nguyễn Văn Hoàng</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
19	ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG PHÁP DẠY BLENDED LEARNING TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM	174
	<i>ThS. Nguyễn Ngọc Đình</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
20	ĐÀO TẠO KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN TRONG NỀN KINH TẾ SỐ	181
	<i>PGS.TS. Lê Thị Thanh Hải, ThS. Hoàng Thị Tâm</i> <i>Trường Đại học Thương mại</i>	
21	ĐÀO TẠO NHÂN LỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY	192
	<i>ThS. Nguyễn Anh Tú</i> <i>Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh</i>	
22	CHUYỂN ĐỔI ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI	196
	<i>ThS. Phạm Quang Dũng, ThS. Nguyễn Thị Dung</i> <i>Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải</i>	
23	SINH VIÊN KHỐI NGÀNH DU LỊCH - KHÁCH SẠN THÍCH ỨNG VỚI THỰC TẬP TRỰC TUYẾN TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19	206
	<i>ThS. Phạm Thị Thanh Huyền</i> <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i> <i>Nguyễn Minh Anh, Lương Thu Hà, Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Quốc Huy</i> <i>Sinh viên Khoa Du lịch và Khách sạn, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
24	PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH KẾ TOÁN TRONG ĐIỀU KIỆN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ	215
	<i>Đặng Thúy Anh</i> <i>Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh</i>	
25	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊA PHƯƠNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY	222
	<i>ThS. Nguyễn Trung Hiếu</i> <i>Trường Đại học Tiền Giang</i>	
26	THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀY NAY	229
	<i>ThS. Hoàng Thị Hằng Nga</i> <i>Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội</i>	

PHẦN 3. KINH NGHIỆM CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM	235
27 MỘT SỐ MÔ HÌNH VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY: BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM	236
ThS. Vũ Thanh Tùng <i>Trường Đại học Tài chính - Marketing</i>	
28 KINH NGHIỆM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở ÚC VÀ BÀI HỌC CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM	254
Nguyễn Thế Cường <i>Trường Đại học FPT</i>	
29 KINH NGHIỆM THỨC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TỪ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG GIÁO DỤC SỐ CỦA ỦY BAN CHÂU ÂU (2021 - 2027)	262
ThS. Nguyễn Tá Nam <i>Trường Đại học Thủ Đức Hà Nội</i>	
30 CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC: KINH NGHIỆM CỦA CỘNG HÒA PHÁP	270
TS. Ngô Hồ Anh Khôi <i>Đại học Nam Cần Thơ</i> ThS. Trần Ngọc Trúc Linh <i>Hiệp hội Đại sứ trẻ vùng Auvergne Rhône-Alpes tại Pháp (Association des Jeunes Ambassadeurs Auvergne Rhône-Alpes), Cộng hòa Pháp</i> ThS. Nguyễn Đình Thúy Hương <i>Đại học Hàng hải Việt Nam</i>	
31 XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA	277
TS. Đỗ Anh Đức, Đinh Thị Thu Huyền, Lê Thị Thu Hoàn <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
32 VAI TRÒ CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG: KINH NGHIỆM TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG TRỊ	287
TS. Lê Đức Quảng, ThS. Trần Chí Hùng <i>Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị</i>	
33 THỰC TRẠNG CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG DẠY HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG	295
Cao Thị Tuyết Loan <i>Trường Đại học Tiền Giang</i>	
34 CÔNG TÁC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC HỌC VIỆN, TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG AN NHÂN DÂN HIỆN NAY	304
Trung úy Hàn Anh Tuấn <i>Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa</i>	
35 XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ ĐÀ NẴNG: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP	311
ThS. Lê Đức Thọ, Nguyễn Đoàn Quang Thọ <i>Trường Cao đẳng Nghề Đà Nẵng</i>	

36	GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH	320
	<i>ThS. Lê Thị Hương</i> Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định	
PHẦN 4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ		327
37	GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM	328
	<i>TS. Nguyễn Thị Hạnh Duyên, ThS. Đào Thị Loan, TS. Nguyễn Thị Hải Yến</i> Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh	
38	GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY - HỌC TRỰC TUYẾN CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	336
	<i>ThS. Nguyễn Thị Hồng Yến, ThS. Vũ Thúy Ngọc</i> Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	
39	GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY	346
	<i>PGS.TS. Trần Mai Ước</i> Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh	
40	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC: THỰC TRẠNG, YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HIỆN NAY	356
	<i>Thiếu tá, ThS. Hoàng Mạnh Cường - Thượng tá, ThS. Nguyễn Thành Dũng</i> Trường Đại học Nguyễn Huệ (Trường Sĩ quan Lục quân 2)	
41	CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT	368
	<i>ThS. Võ Thị Hoài</i> Trường Đại học Sài Gòn	
42	ĐỀ XUẤT ỨNG DỤNG BIG DATA TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CHÍNH QUY	376
	<i>ThS. Phạm Thị Hồng My</i>	
43	NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY CẦN GẮN KẾT VỚI PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NGÂN HÀNG SỐ	384
	<i>PGS.TS. Nguyễn Đắc Hưng</i> Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	
44	PHÁT HUY HIỆU QUẢ DẠY HỌC TRỰC TUYẾN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC	393
	<i>Võ Minh Tuấn</i> Học viện Ngân hàng	
45	NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIẢNG DẠY ĐẠI HỌC BẰNG HÌNH THỨC TRỰC TUYẾN TRONG BỐI CẢNH DỊCH BỆNH COVID-19 Ở VIỆT NAM	402
	<i>ThS. Lâm Thị Thu Huyền</i> Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	

- 46 NHỮNG ĐỀ XUẤT ĐỂ DẠY HỌC NGOẠI NGỮ TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ CÓ HIỆU QUẢ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT NAM 407

ThS. Nguyễn Minh Hương

Trường Đại học Huflit - Thành phố Hồ Chí Minh

- 47 GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY BỘ MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 414

Trần Văn Tùng

Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

PHẦN 5. MỘT SỐ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ 421

- 48 NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HỖ TRỢ VIẾT BÀI BÁO KHOA HỌC BẰNG TIẾNG ANH VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ 422

TS. Phạm Xuân Lâm, ThS. Nguyễn Văn Hoàng

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trịnh Bùi Hoàng Anh, Lê Vũ Hải Đăng, Nguyễn Trọng Hiệp, Phùng Đức Minh, Nguyễn Khánh Vinh

Sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- 49 XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ THEO CHUẨN QUỐC TẾ ĐỐI VỚI SINH VIÊN HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN 435

Lê Ngân Giang

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- 50 CHUẨN HÓA QUY TRÌNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO VÀ THỜI KHÓA BIỂU ĐỂ TỐI ƯU NGUỒN LỰC TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN 441

ThS. Nguyễn Nghĩa Hoàng, ThS. Lê Hà

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- 51 PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN 448

TS. Lê Mạnh Hùng

Trường Đại học Công đoàn

- 52 SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN ĐỐI VỚI CÁC CÔNG CỤ GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN TẠI CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHỐI NGÀNH KINH TẾ TRONG BỐI CẢNH ĐẠI DỊCH COVID-19 454

TS. Đỗ Anh Đức, Hoàng Thị Mai Thảo, Kim Tuấn Anh

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- 53 GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TRONG ĐIỀU KIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN: VAI TRÒ CỦA LÝ THUYẾT TÂM LÝ HỌC 464

TS. Nguyễn Thị Huyền

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

54	SỰ HÀI LÒNG CỦA SINH VIÊN KHOA TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ ĐÀO TẠO THEO HÌNH THỨC GIẢNG DẠY TRỰC TUYẾN	472
	Phạm Ngọc Ánh, Lê Dzu Nhật, Phạm Thị Kim Ái <i>Trường Đại học Quy Nhơn</i>	
55	NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO THÁI ĐỘ HỌC TẬP TRỰC TUYẾN CỦA SINH VIÊN	482
	TS. Đặng Hương Giang, ThS. Phạm Thị Ngoan <i>Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp</i>	
56	NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH TẠI HỌC VIỆN NGÂN HÀNG - PHÂN VIỆN BẮC NINH	492
	TS. Vương Thị Minh Đức, ThS. Nguyễn Minh Loan <i>Học viện Ngân hàng - Phân viện Bắc Ninh</i>	
57	GIẢI PHÁP QUẢN LÝ VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG CỦA SINH VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ	507
	ThS. Hoàng Thị Kim Liên <i>Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng</i>	
58	ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC THƯỜNG XUYÊN SỬ DỤNG FACEBOOK ĐẾN KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI	515
	ThS. Vi Thanh Hà, TS. Trương Đình Đức, TS. Vũ Trọng Nghĩa, ThS. Nguyễn Hoàng Hà <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i> TS. Bùi Trung Hải <i>Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh</i>	
59	VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG WEBSITE CẤP 2 TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÔNG MINH	523
	ThS. Lê Hà, TS. Trương Đình Đức, ThS. Lê Văn Thu <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	
60	VAI TRÒ CỦA MẠNG XÃ HỘI TRONG TRUYỀN THÔNG TUYỂN SINH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC	529
	ThS. Nguyễn Thanh Bình, ThS. Phạm Đức Minh, ThS. Phạm Trương Ngọc Sơn <i>Trường Đại học Kinh tế Quốc dân</i>	

PHẦN 4

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO
CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ**



37.

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Hạnh Duyên*

ThS. Đào Thị Loan*

TS. Nguyễn Thị Hải Yến*

Tóm tắt

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) tập trung vào công nghệ kỹ thuật số, do đó chuyển đổi số đóng vai trò trung tâm, tác động sâu sắc đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Ngành Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học xác định sứ mệnh tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ này, góp phần rút ngắn quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Bên cạnh đó, đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh mẽ đối với giáo dục đại học trên toàn thế giới. Việc dạy và học chuyển sang hình thức trực tuyến, giảng viên và sinh viên phải chuyển đổi và thích ứng với việc sử dụng công nghệ thông tin (CNTT). Ngoài ra, thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học góp phần làm lan tỏa sang những lĩnh vực khác của nền kinh tế - xã hội Việt Nam. Vì thế, giáo dục đại học cần phải thay đổi căn bản để đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hiện nay. Bài viết tập trung làm rõ vấn đề chuyển đổi số trong giáo dục đại học cũng như tình hình thực tế chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

Từ khóa: Chuyển đổi số; chuyển đổi số giáo dục đại học; cơ sở giáo dục đại học.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Những năm gần đây, các nhà quản lý giáo dục đại học đã tìm cách áp dụng phương pháp học tập kỹ thuật số với mục tiêu cung cấp nhiều cơ hội tiếp cận hơn với nền giáo dục chất lượng. Nỗ lực này phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững về giáo dục của Liên hợp quốc nhằm kêu gọi giáo dục có chất lượng hòa nhập, công bằng và cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Sự chuyển đổi kỹ thuật số nhanh chóng sang giảng dạy từ xa trong bối cảnh đại dịch toàn cầu đã tạo động lực mới cho ứng dụng kỹ thuật số trong giáo dục đại học. Do đó, các câu hỏi xung quanh

* Trường Kinh tế, Trường Đại học Vinh

giá trị của việc giảng dạy, các rào cản đối với việc tiếp cận giáo dục công bằng và các hành lang pháp lý cần thiết cho chuyển đổi kỹ thuật số bền vững trở thành mối quan tâm cấp bách. Ý nghĩa của thực hiện chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, tạo môi trường giáo dục linh động: Người học thay vì phải ngồi trong phòng học với bốn bức tường như trước đây, công nghệ số đã mở ra một không gian học tập linh động hơn. Giờ đây, người học có thể tiếp thu kiến thức một cách thuận tiện và dễ dàng trên mọi thiết bị (máy tính, laptop, smartphone...). Điều này đã mở ra một nền giáo dục mở hoàn toàn mới. Bất cứ thời điểm nào, tại bất cứ đâu, bất cứ ai đều có thể tiếp cận được các thông tin kiến thức một cách đa chiều nhất. Nó loại bỏ hoàn toàn những giới hạn về khoảng cách, tối ưu thời gian học và nâng cao nhận thức, tư duy của người học.

Thứ hai, truy cập tài liệu học tập không giới hạn: Chuyển đổi số sẽ tạo ra kho học liệu mở khổng lồ cho người học. Điều đó có nghĩa là người học có thể truy cập vào các tài nguyên học tập một cách dễ dàng và ít tốn kém hơn thay vì phải tốn chi phí để mua sách hay đến thư viện để mượn. Hiện nay, người học có thể khai thác học liệu nhanh chóng bằng các thiết bị trực tuyến mà không bị giới hạn bất kể tình trạng kinh tế của họ. Mặt khác, chuyển đổi số cũng giúp việc chia sẻ tài liệu, giáo trình giữa người học và giáo viên trở nên dễ dàng và tiết kiệm hơn do giảm thiểu được các chi phí về in ấn.

Thứ ba, tăng tính tương tác và trải nghiệm thực tế: Nhiều người nghĩ rằng, học trực tuyến sẽ làm giới hạn khả năng tương tác giữa người dạy và người học. Nhưng thực tế, phương pháp học mới này lại giúp gia tăng tính tương tác hai chiều do người học có thể nói chuyện Face to Face một - một với giáo viên hướng dẫn mà không bị giới hạn bởi không gian. Ngoài ra, những Công nghệ 4.0 như: ứng dụng thực tế ảo VR, thực tế tăng cường AR cũng tạo ra những trải nghiệm thực tế “thật” hơn cho người học. So với phương pháp học lý thuyết truyền thống chỉ có thể tưởng tượng qua sách vở, công nghệ mới giúp người học có những trải nghiệm đa giác quan, tạo cảm giác tò mò, hứng thú hơn khi học.

Thứ tư, nâng cao chất lượng giáo dục: Chuyển đổi số ngành Giáo dục đã tạo ra kỷ nguyên mới, thời đại mà người dạy và người học được trao quyền để sử dụng công nghệ. Các thành tựu công nghệ như: Big Data giúp lưu trữ mọi kiến thức lên không gian mạng, IoT (Internet vạn vật) giúp theo dõi hành vi của học sinh, quản lý, giám sát học sinh; hay Blockchain giúp xây dựng hệ thống quản lý thông tin và hồ sơ giáo dục của người học, cho phép hợp nhất, quản lý và chia sẻ dữ liệu từ nhiều trường học, ghi chép lại lịch sử học tập, bảng điểm của học sinh/sinh viên để đảm bảo thông tin dữ liệu được đồng nhất, minh bạch.

Thứ năm, giảm chi phí đào tạo: Kỷ nguyên học tập trực tuyến sẽ mở ra cơ hội học tập với chi phí rẻ hơn nhiều lần so với trước đây các do trường học sẽ phải tốn ít chi phí hơn để chi trả cho các vấn đề liên quan đến mặt bằng, cơ sở vật chất, thiết bị... Chuyển đổi số cũng tạo ra nhiều sự lựa chọn hơn cho người học. Thay vì đến các trường công, họ có thể tham gia vào các khóa học E-Learning với chi phí rẻ hơn nhiều lần, thậm chí người học còn có thể tùy chọn những khóa học phù hợp với bản thân và những môn mà bản thân họ thực sự quan tâm. Điều này giúp cho việc học tập hiệu quả và chất lượng hơn.

Thứ sáu, khi hệ thống giáo dục đại học gia tăng được mức độ chuyển đổi số thì cũng góp phần nâng cao được năng lực và chất lượng đào tạo, góp phần tạo ra những sản phẩm đóng góp

vào những lĩnh vực khác nhau trong nền kinh tế quốc dân, sẽ lan tỏa chuyển đổi số sang những ngành nghề khác. Đồng thời góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế - xã hội trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn mới của Việt Nam.

Như vậy, để đạt được mục tiêu của ngành GD&ĐT nói chung và giáo dục đại học nói riêng, nền tảng số chính là công cụ thực thi hiệu quả. Đây phải là nền tảng mở để liên tục được cập nhật và tốt lên từng ngày. Nền tảng này không chỉ là nội dung mà còn là cách thức giảng dạy, cách học, cách thi kiểm tra, hay nói cách khác là các quy trình (Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông).

2. NỘI DUNG

2.1. Tổng quan về chuyển đổi số giáo dục đại học

Có nhiều định nghĩa khác nhau về chuyển đổi số, tuy nhiên có thể hiểu: chuyển đổi số về tổng thể là quá trình thay đổi toàn diện cá nhân và tổ chức về cách sống, làm việc và phương thức sản xuất, đào tạo trên môi trường số với công nghệ số. Bản chất chuyển đổi số là việc chuyển đổi từ cách sống, cách làm việc truyền thống sang cách sống và làm việc với các phiên bản số của các thực thể và sự kết nối của chúng trong không gian sống.

Chuyển đổi số trong đào tạo đại học không đơn giản chỉ là quá trình thay đổi cách dạy, cách học hay là chuyển từ dạy và học trực tiếp sang dạy và học trực tuyến. mà là giảm thuyết giảng, truyền thụ kiến thức sang phát triển năng lực người học, tăng khả năng tự học, tạo cơ hội học tập mọi lúc, mọi nơi... Chuyển đổi số trong đào tạo đại học thực chất là đưa toàn bộ hoạt động đào tạo lên môi trường số, là sự thay đổi cách vận hành của hoạt động đào tạo trên các nội dung: (i) chuyển đổi số hoạt động dạy và học tập, hoạt động nghiên cứu; và (ii) chuyển đổi số hoạt động quản lý các quá trình dạy, học và nghiên cứu. Chuyển đổi số trong đào tạo đại học là việc áp dụng công nghệ, dựa vào mục đích, cơ cấu của cơ sở đào tạo. Cụ thể: ứng dụng công nghệ trong phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ trong quản lý và ứng dụng công nghệ trong lớp học (công cụ giảng dạy, cơ sở vật chất).

Có thể thấy rằng, việc chuyển đổi số tác động tới nhiều bên liên quan khác nhau, trong đó trực tiếp và chịu tác động lớn nhất là người học và giảng viên, kế tiếp là đội ngũ hành chính văn phòng, đội ngũ quản lý, những người phải trực tiếp thao tác, vận hành hệ thống. Các nhà lãnh đạo cũng cần phải thay đổi tư duy quản lý.

Hình 1. Chuyển đổi số trong giáo dục



Đầu tiên, chuyển đổi số đòi hỏi hạ tầng công nghệ mới, trang thiết bị mới cho cả người học, người trực tiếp giảng dạy, cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý. Đi kèm thiết bị phần cứng là các ứng dụng phần mềm, các nền tảng (platform) để toàn bộ mọi hoạt động giáo dục và quản lý của các cấp diễn ra trên đó. Nếu như ứng dụng CNTT vào giáo dục chủ yếu đề cập đến những chương trình, phần mềm riêng lẻ, tách biệt, chuyển đổi số yêu cầu tất cả những thứ riêng lẻ này phải tương thích và kết nối với nhau, tích hợp và có thể tiếp cận được (accessible) trên cùng một nền tảng. Nền tảng này cho phép các hoạt động giảng dạy, quản lý, học tập, kiểm tra, đánh giá, thi cử, quản lý người học và việc giảng dạy, cũng như toàn bộ việc tương tác giữa người học với giáo viên và nhà trường cùng diễn ra. Đường truyền Internet ổn định là yếu tố đương nhiên cần phải có để platform này hoạt động.

Để vận hành một hệ thống như vậy, đương nhiên đòi hỏi tư duy và năng lực quản lý của lãnh đạo ngành Giáo dục cũng như lãnh đạo nhà trường phải thay đổi. Họ phải tìm ra cách thức nắm bắt những gì có thể trên không gian ảo, khai thác hiệu quả công nghệ cho mục đích này. Họ cần trang bị hiểu biết và tư duy số để có thể làm chủ công nghệ và hiểu rõ giới hạn của công nghệ.

Chuyển đổi số cũng không thể thành công nếu những người trực tiếp thực hiện việc đào tạo không có đủ kỹ năng sử dụng công nghệ. Giáo viên cần phải hình dung được họ sẽ “nhìn thấy” học sinh của mình học tập như thế nào nếu không trực tiếp gặp mặt và họ có thể nắm bắt, đánh giá được những gì từ phía người học? Tất nhiên trong quá trình này, họ luôn phải có sự hỗ trợ đồng hành của các nhân viên kỹ thuật và các chuyên gia công nghệ để đảm bảo việc giảng dạy diễn ra suôn sẻ, trôi chảy. Họ cũng cần có những kỹ năng mới để tổ chức hoạt động giảng dạy, “giữ” được học sinh trong “lớp học”, duy trì sự chú tâm của học sinh vào các nhiệm vụ và hoạt động học tập. Họ là yếu tố hàng đầu và quan trọng nhất quyết định sự thành công của đào tạo trực tuyến và quá trình chuyển đổi số.

Nhà trường truyền thống hầu như không có “định biên” cho nhân viên IT. Nhưng khi triển khai đào tạo trực tuyến diện rộng, một số vị trí hành chính không còn, thay vào đó là nhu cầu lớn đội ngũ kỹ thuật viên. Tất nhiên, các nhà trường luôn có giải pháp thuê ngoài dịch vụ này nhưng phân bổ chi thường xuyên thay đổi, dẫn tới việc thực hành quản trị và quản lý tài chính nhà trường cũng thay đổi theo.

Yếu tố quan trọng tiếp theo quyết định ý nghĩa của chuyển đổi số là sự sẵn sàng tiếp nhận của người học. Người học dường như chưa sẵn sàng cho học tập trực tuyến vì nhiều lý do. Bên cạnh những lý do kỹ thuật như trang thiết bị và hạ tầng viễn thông, có những vấn đề do phương pháp và kỹ thuật giảng dạy của giảng viên đã chưa thuyết phục được người học. Người học cần được chuẩn bị về tâm thế, tinh thần, kỹ năng và được hỗ trợ để đảm bảo điều kiện hạ tầng thiết bị đủ để thực hiện học tập trực tuyến. Họ cũng cần được hướng dẫn về phương pháp học tập trực tuyến sao cho hiệu quả.

Văn hóa giáo dục số gồm các vấn đề thái độ học tập, hiểu biết về đạo đức học thuật, tính tự giác, ý thức về học tập suốt đời (Lifelong learning) cũng như cần được xây dựng phát triển trong cộng đồng người học và người dân nói chung. Đối với đào tạo trực tiếp, việc kiểm soát quá trình đào tạo phần lớn thuộc về cơ sở giáo dục và giảng viên, trong khi đối với đào tạo trực tuyến, người học cũng phải chia sẻ nhiệm vụ này.

Cuối cùng, về lâu dài, để giáo dục trực tuyến có thể phát triển bền vững, nghiên cứu khoa học GD&ĐT sư phạm cần bổ sung các nội dung và trọng tâm nghiên cứu ứng dụng về giáo dục trực tuyến để hỗ trợ các nhà quản lý và giảng viên phát triển chuyên môn và năng lực.

2.2. Tình hình chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam

Quá trình chuyển đổi số trong đào tạo đại học ở Việt Nam đang diễn ra cùng với xu thế chuyển đổi số trong nền kinh tế. Ở cấp độ vĩ mô, chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo đại học được khẳng định là một trong 8 lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số.

Hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học thực hiện các quy định của Bộ GD&ĐT nhằm thúc đẩy chuyển đổi số như: các quy định (1) ứng dụng CNTT trong quản lý, vận hành, giảng dạy; (2) tổ chức đào tạo trực tuyến, hình thành các quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, sau đại học. Năm 2018, thông tin của 393 trường đại học, cao đẳng với 2,5 triệu sinh viên, 120.000 giảng viên được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành... Đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19, để sinh viên có thể tiếp tục học tập và đảm bảo an toàn, đã có những giải pháp như: điều chỉnh kế hoạch năm học, khung chương trình; dạy học trực tuyến; dạy học trên truyền hình... Song song với đó, Bộ GD&ĐT đã có nhiều quy định và hoạt động nhằm tăng cường năng lực, tạo cơ sở thuận lợi cho chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Bộ GD&ĐT đã kịp thời ban hành nhiều văn bản liên quan đến triển khai đào tạo, đánh giá từ xa và đảm bảo chất lượng nhằm ứng phó với dịch COVID-19. Đặc biệt, các thông tư mới ban hành trong năm 2021 đã cho phép đào tạo trực tuyến trong đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Việc đào tạo trực tuyến trên diện rộng càng đòi hỏi phải tập trung vào các điều kiện bảo đảm chất lượng giảng dạy và chất lượng của công tác đánh giá. Cùng với quá trình hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy chế nội bộ của các cơ sở giáo dục đại học cần đảm bảo không thấp hơn quy định chung.

Ở cấp vi mô, nhiều trường đại học đã chủ động trong chuyển đổi số như: thành lập trung tâm dạy ảo, tổ chức các khóa học đào tạo trực tuyến, xây dựng trung tâm dữ liệu lớn; các lớp học có thể dạy online, vận hành hệ thống E-Learning theo mô hình giảng dạy kết hợp với quy mô. Từ một số ít trường triển khai đào tạo tín chỉ, cho phép người học đăng ký học tập, xem kết quả học tập, đóng học phí online, đến nay, hầu hết các trường đại học đã triển khai loại hình đào tạo này.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số đào tạo đại học hiện nay còn không ít hạn chế. Hạ tầng mạng, trang thiết bị CNTT (như máy tính, camera, máy in...), đường truyền, dịch vụ Internet cho nhà trường, giáo viên, học sinh - đặc biệt ở các vùng xa, vùng khó khăn - còn thiếu, lạc hậu, chưa đồng bộ, nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu cho chuyển đổi số (cả về quản lý giáo dục và dạy - học). Đây cũng là một nguyên nhân dẫn đến sự bất bình đẳng về cơ hội học tập, tiếp cận kiến thức giữa học sinh, sinh viên ở các vùng miền, các nhà trường. Việc số hóa, xây dựng, cập nhật học liệu số, thẩm định, chia sẻ học liệu số đòi hỏi sự đầu tư lớn về nhân lực (gồm cả nhân lực quản lý và nhân lực triển khai) cũng như tài chính để đảm bảo kho học liệu số đầy đủ, đạt chất lượng, đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, tham khảo của học sinh, sinh viên ở các cấp học, ngành học, môn học. Vì vậy, hiện nay, vấn đề xây dựng học liệu số (như sách điện tử, thư viện điện tử, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, bài giảng điện tử, phần mềm học điện tử, phần mềm ứng dụng mô phỏng) còn phát triển tự phát, chưa đi vào nền nếp và thành hệ thống, khó kiểm soát chất lượng và nội dung học tập. Kéo theo đó là hệ thống giải pháp học tập VLE/LMS có tính tương tác cao (khác với các hệ thống học trực tuyến) cũng triển khai tự phát, thiếu sự đồng bộ và chia sẻ giữa các nhà trường dẫn đến lãng phí chung. Cơ sở pháp lý chưa thật đầy đủ, danh mục các thông tin thuộc diện bắt buộc khai báo, nhập liệu - phân biệt với thông tin cá nhân riêng tư thuộc quyền cá nhân; bản quyền của các bài giảng điện tử; quy định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số; tính pháp lý của hồ sơ điện tử nói chung và sổ điểm, học bạ điện tử nói riêng ở phạm vi toàn quốc... Sự tự giác, kiên trì ở một bộ phận người học khi học online chưa cao, nhiều đối tượng tham gia hoạt động dạy học nhưng chưa thể kiểm soát về điều kiện và chất lượng; sự tương tác giữa người dạy và học.

2.3. Giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số trong đào tạo đại học tại Việt Nam

Tầm quan trọng của chuyển đổi kỹ thuật số trong lĩnh vực giáo dục đã tăng lên theo cấp số nhân sau đại dịch COVID-19, làm nổi bật nhu cầu đảm bảo giáo dục hoạt động giáo dục không bị gián đoạn. Dưới đây chúng tôi đề cập đến những thách thức phức tạp, phổ biến nhất để đạt được thành công sự chuyển đổi này và cung cấp các giải pháp tốt nhất nhằm kết nối các cộng đồng trong trường một cách trực tiếp và an toàn với tất cả các nguồn lực mà họ cần.

Trước tiên, chuyển đổi số là chuyển đổi nhận thức, tư duy, vì thế phải thúc đẩy chuyển đổi nhận thức, tư duy của các tổ chức đào tạo về sứ mệnh, sự cần thiết, tính cấp bách của chuyển đổi số. Việc nâng cao nhận thức về xu thế tất yếu và nội dung quá trình chuyển đổi số trong đào tạo đại học, không chỉ đối với người dạy và người học, mà còn quan trọng hơn là đối với người đứng đầu quản lý các cơ sở đào tạo đại học. Nhiều ý kiến cho rằng, lực cản chuyển đổi số của một tổ chức chủ yếu là ở người đứng đầu chứ không phải ở nhân viên, vì nhân viên và đối tượng phục vụ của tổ chức đó luôn được hưởng lợi từ chuyển đổi số. Từ nhận thức đến hành động, các trường lúc này sẽ có chiến lược và các kế hoạch hành động cụ thể và tiến hành chuyển đổi số ngay từ việc sử dụng nguồn lực như thế nào, từ hệ thống kỹ thuật sẵn có nhưng phải có lộ trình để tiếp

tục đầu tư để số hóa các hệ thống thông tin, nâng cấp cơ sở hạ tầng, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ và cơ cấu tổ chức bên trong, chuyển đổi các mối quan hệ, cách xử lý từ môi trường truyền thống sang môi trường số, nâng cao năng lực của đội ngũ từ giảng viên cho đến sinh viên. Vậy, từ nhận thức cho đến hành động là một quá trình thúc đẩy nội tại, thêm những cú hích, những khuyến khích, chính sách, cơ chế phù hợp từ bên ngoài thì sẽ đưa được những ý tưởng sẽ trở nên sống động và hiệu quả trong thực tiễn.

Thứ hai, cần đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực của ngành trong thực hiện chuyển đổi số (kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số. Trước hết là kỹ năng sử dụng CNTT, kỹ năng an toàn thông tin, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc dạy - học). Cần có chương trình, kế hoạch đào tạo nguồn lực CNTT đi trước một bước đồng thời nâng cấp kỹ năng phổ quát CNTT cho người dạy và học bảo đảm yêu cầu tác nghiệp trên môi trường số.

Thứ ba, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý như: các chính sách liên quan đến học liệu (sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả); chất lượng việc dạy học trên môi trường mạng (an toàn thông tin mạng); bảo vệ thông tin cá nhân, an ninh thông tin trên môi trường mạng; kiểm định chất lượng, tính pháp lý và công nhận kết quả khi dạy - học trực tuyến.

Thứ tư, hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị CNTT thiết thực phục vụ dạy - học, tạo cơ hội học tập bình đẳng giữa các vùng, miền có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau, ưu tiên hình thức thuê dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia thực hiện.

Thứ năm, thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học) ở tất cả các cấp học, ngành học, môn học gắn với việc thẩm định nội dung, kết nối, chia sẻ học liệu giữa các địa phương, nhà trường; hình thành kho học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền; tiếp tục đổi mới cách dạy và học trên cơ sở áp dụng công nghệ số, khuyến khích và hỗ trợ áp dụng các mô hình GD&ĐT mới dựa trên các nền tảng số.

3. KẾT LUẬN

Hiện nay, nhiều quốc gia trên thế giới đã và đang triển khai các chiến lược quốc gia về chuyển đổi số. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học cũng không nằm ngoài xu thế đó. Tuy nhiên, việc triển khai thực vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức nhất định. Vì vậy, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học như: tuyên truyền thay đổi tư duy nhận thức của các bên liên quan, đảm bảo nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị công nghệ thông tin, thúc đẩy phát triển học liệu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bumann, Jimmy & Peter, Marc (2019), *Action Fields of Digital Transformation - A Review and Comparative Analysis of Digital Transformation Maturity Models and Frameworks*.
2. Chính phủ (2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
3. H. T. Bảo (2020), *Chuyển đổi số thời COVID-19*, <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/Chuyen-doi-so-thoi-Covid19-23135> (Accessed May 20, 2020).
4. Melissa Bond et al. (2018), “Digital transformation in German higher education: student and teacher perceptions and usage of digital media”. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 15(48), <https://doi.org/10.1186/s41239-018-0130-1>
5. Nguyễn Thị Mai, Hoàng Thị Tâm, Trần Ngọc Trang (2021), “Chuyển đổi số trong giáo dục - đào tạo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, Số tháng 9/2021.